

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức hoạt động và bình xét,
xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Hướng dẫn số 1479/HD-BTĐKT ngày 25/7/2016 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc tổ chức Cụm, Khối thi đua của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", Cờ thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chia các Khối, Cụm thi đua và quản lý các Khối, Cụm thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tại Tờ trình số 508/TTr-TT.HĐTĐKT ngày 25/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng

Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKTTW;
- Ban TĐKTTW (Hà Nội, Tp. HCM);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Như Điều 2;
- Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh (05 bản);
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT.(H509)

CHỦ TỊCH,

Trần Tuệ Hiền

QUY ĐỊNH**Về tổ chức hoạt động và bình xét,
xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước***(Kèm theo Quyết định số: 1202/QĐ-UBND**ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

Quy định này quy định về tổ chức, nhiệm vụ và hoạt động của Khối, Cụm thi đua; nội dung, tiêu chí thi đua; nguyên tắc, phương pháp, quy trình chấm điểm, bình xét thi đua, số lượng, tiêu chuẩn khen thưởng và hồ sơ đề nghị khen thưởng Khối, Cụm thi đua.

Chương II**TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA KHỐI, CỤM THI ĐUA****Điều 2. Tổ chức của Khối, Cụm thi đua**

1. Điều hành hoạt động của Khối, Cụm thi đua (sau đây gọi chung là Khối) có 01 Khối trưởng, 01 Khối phó và Tổ giúp việc.

2. Khối trưởng, Khối phó do các thành viên trong Khối thống nhất giới thiệu, bầu chọn tại Hội nghị tổng kết Khối hàng năm và hoạt động theo chế độ luân phiên. Khối trưởng, Khối phó điều hành hoạt động của Khối thi đua ngay sau khi được phân công.

3. Tổ giúp việc do Khối trưởng thành lập là công chức, viên chức, người lao động phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị Khối trưởng và Khối phó.

4. Khối trưởng được sử dụng con dấu của đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ của Khối thi đua.

Điều 3. Nhiệm vụ**1. Khối trưởng**

a) Chủ trì, phối hợp với Khối phó, các thành viên trong Khối xây dựng, ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua của Khối; quy định hoạt động của Khối thi đua và bình xét thi đua; các nội dung, tiêu chí thi đua; thang bảng điểm để làm cơ sở bình xét thi đua theo quy định và phù hợp với đặc điểm, tình hình, tính chất hoạt động của các đơn vị thành viên trong Khối.

b) Tổ chức ký kết giao ước thi đua, phối hợp hoạt động giữa các đơn vị

thành viên, phát huy sức mạnh tổng hợp và thế mạnh của mỗi đơn vị thành viên; phối hợp tổ chức các hoạt động chung của Khối thi đua và trao đổi về nghiệp vụ, kinh nghiệm giữa các đơn vị thành viên; bàn các biện pháp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức các phong trào thi đua, công tác khen thưởng và tuyên truyền, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến của các đơn vị trong Khối thi đua để nêu gương, học tập.

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị Khối phó tổ chức chấm điểm thi đua cho các đơn vị trong Khối thi đua; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các đơn vị trong Khối thi đua theo quy định.

d) Chuẩn bị nội dung và chủ trì tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết và ký kết giao ước thi đua của Khối.

đ) Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện giao ước thi đua 6 tháng đầu năm và Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện giao ước thi đua hàng năm của Khối thi đua theo quy định.

2. Khối phó

a) Phối hợp với Khối trưởng xây dựng quy định hoạt động, bình xét thi đua, kế hoạch phát động phong trào thi đua của Khối và chấm điểm thi đua cho các đơn vị trong Khối thi đua.

b) Thay mặt Khối trưởng giải quyết những công việc khi được Khối trưởng ủy quyền.

c) Phối hợp với Khối trưởng chuẩn bị các nội dung tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết và ký giao ước thi đua của Khối.

d) Đảm nhận nhiệm vụ Khối trưởng năm tiếp theo.

3. Cơ quan Thường trực giúp việc Khối trưởng

a) Tham mưu, giúp Khối trưởng, Khối phó triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp.

b) Tham mưu dự thảo quy định hoạt động bình xét thi đua, kế hoạch phát động phong trào thi đua của Khối; chuẩn bị nội dung và các điều kiện tổ chức các hoạt động của Khối thi đua.

c) Phối hợp với công chức, viên chức phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên trong Khối thi đua xây dựng báo cáo kết quả thực hiện giao ước thi đua 6 tháng và hàng năm của Khối. Rà soát, tổng hợp điểm thi đua của các đơn vị thành viên theo thang bảng điểm đã được các đơn vị thành viên trong Khối thi đua thống nhất và theo quy chế hoạt động của Khối thi đua.

d) Giúp Khối trưởng chuẩn bị các nội dung và điều kiện tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết và ký kết giao ước thi đua hàng năm của Khối.

4. Các đơn vị thành viên trong Khối

a) Căn cứ chỉ tiêu, nghị quyết, kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, kế hoạch phát động phong trào thi đua hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao để đăng ký thi đua.

Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chương trình, kế hoạch của cấp trên trực tiếp giao để đăng ký thi đua gửi Khối trưởng theo quy định.

b) Tham gia xây dựng nội dung và các tiêu chí thi đua, thang bảng điểm của Khối. Tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của Khối thi đua.

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đã đăng ký giao ước thi đua và phát hiện, tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu, nhân rộng các điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua.

đ) Tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện giao ước thi đua 6 tháng đầu năm và cả năm của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Khối trưởng phục vụ sơ kết, tổng kết Khối. Tự chấm điểm thi đua theo quy định hoạt động của Khối và gửi kết quả chấm điểm cho Khối trưởng theo quy định.

Điều 4. Hoạt động của Khối thi đua

1. Đối với các Khối thi đua thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Căn cứ vào tình hình thực tế, hàng năm Khối thi đua tổ chức các hoạt động tọa đàm, giao lưu, đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ; học tập, trao đổi kinh nghiệm, cách làm hiệu quả... để nâng cao chất lượng hoạt động của Khối thi đua.

b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ 6 tháng và cả năm các đơn vị thành viên trong Khối thi đua và Khối trưởng Khối thi đua có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định như sau:

- Các đơn vị thành viên trong Khối thi đua báo cáo về Khối trưởng:

+ Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện giao ước thi đua 6 tháng đầu năm của đơn vị: Gửi trước ngày 05/7 hàng năm.

+ Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện giao ước thi đua hàng năm của đơn vị: Gửi trước ngày 15/01 năm sau.

- Khối trưởng báo cáo về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ):

+ Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện giao ước thi đua 6 tháng đầu năm của

Khối: Gửi trước 20/7 hàng năm.

+ Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện giao ước thi đua hàng năm của Khối: Gửi trước ngày 20/3 năm sau.

c) Khối trưởng phối hợp với Khối phó tổng hợp tình hình thực hiện giao ước thi đua, các chỉ tiêu thi đua đã ký kết, dự thảo báo cáo sơ kết tình hình thực hiện giao ước thi đua 6 tháng đầu năm và Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện giao ước thi đua hàng năm của Khối thi đua, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết Khối thi đua.

d) Thời gian tổ chức sơ kết, tổng kết Khối thi đua quy định như sau:

- Tổ chức Hội nghị sơ kết trước ngày 15/7 hàng năm, địa điểm tại đơn vị Khối phó.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết trước ngày 15/3 năm sau, địa điểm tại đơn vị Khối trưởng.

đ) Sau khi sơ kết, tổng kết các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tuyên truyền, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, nhân tố mới để noi gương, học tập.

2. Đối với các Khối thi đua thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để quy định cho phù hợp, nhưng phải đảm bảo thời gian xét khen thưởng theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

Chương III NỘI DUNG, TIÊU CHÍ THI ĐUA CHỦ YẾU

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định các nội dung, tiêu chí thi đua chủ yếu cho các Khối thi đua thuộc tỉnh; các Khối thi đua căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế của các đơn vị thành viên Khối thi đua để xây dựng nội dung, tiêu chí thi đua cho phù hợp. Nội dung, tiêu chí thi đua phải được lượng hóa thành thang bảng điểm để làm cơ sở chấm điểm, xếp hạng thi đua và đề nghị khen thưởng.

Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quy định các nội dung, tiêu chí thi đua chủ yếu cho các Cụm, Khối thi đua được Chủ tịch Ủy ban nhân dân ủy quyền quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chia các Khối, Cụm thi đua và quản lý các Khối, Cụm thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Nội dung và tiêu chí thi đua chủ yếu của các Khối thi đua thuộc UBND tỉnh

1. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh

và thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao: Điểm chuẩn 650 điểm, gồm các tiêu chí sau:

a) Đối với Khối thi đua các sở, ban, ngành

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ chuyên môn theo chương trình, kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị, địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hoàn thành đạt, vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan mà Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao.

- Kết quả công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách, công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực sở, ban, ngành phụ trách.

- Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 24/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Kế hoạch số 346/KH-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Bình Phước.

- Thực hiện nghiêm nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1837/UBND-NC ngày 12/6/2020; Công văn số 3921/UBND-NC ngày 01/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và Công văn số 859/UBND-NC ngày 11/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thực thi công vụ.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh

Bình Phước.

- Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Thực hiện tốt Quy chế thiết lập, quản lý và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 và Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và điều hành công việc, xây dựng các chuyên đề, dự án, đề án phục vụ các chủ trương, giải pháp lớn của tỉnh thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị phụ trách.

- Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

b) Đối với Khối thi đua các cơ quan Đảng

- Nghiên cứu, xây dựng, tham mưu Tỉnh ủy lãnh đạo chỉ đạo hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và điều hành công việc, xây dựng các chuyên đề, dự án, đề án phục vụ các chủ trương, giải pháp lớn của tỉnh thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị phụ trách.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hưởng ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ.

- Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

- Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

c) Đối với Khối Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành dọc cấp trên; các luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

- Chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có những chủ trương, giải pháp kịp thời, hiệu quả; chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

- Chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành và cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng về phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Nghị quyết liên tịch số 43/2017 ngày 15/6/2017 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đổi mới công tác tổ chức, tuyên truyền; vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực vào việc thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025); triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, gắn với việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Dân vận trong tình hình mới”; thực hiện chủ trương của Đảng về “Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở” và các phong trào của đoàn thể để có các hoạt động hỗ trợ đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

- Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Thực hiện tốt công tác phát triển đoàn viên, hội viên; xây dựng đoàn viên, hội viên nông cốt; xây dựng tổ chức mặt trận, đoàn, hội vững mạnh.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

- Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

d) Đối với Khối Doanh nghiệp

- Hoàn thành đạt và vượt kế hoạch sản xuất, kinh doanh (Các chỉ tiêu tăng trưởng như: Tổng doanh thu (hoặc sản lượng); lợi nhuận; năng suất lao động; nộp ngân sách nhà nước; thu nhập của người lao động; đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ,...

- Bảo toàn và phát triển năng lực hoạt động như: Nhân lực, vốn, tài sản, máy móc, trang thiết bị, kế hoạch, chiến lược hoạt động, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu,...

- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật, bảo đảm sự minh bạch và lành mạnh về tài chính.

- Thực hiện tốt các giải pháp đề ra nhằm tăng trưởng kinh tế bền vững và đảm bảo an sinh xã hội.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội, từ thiện, giải quyết việc làm, chăm lo đời sống cho người lao động, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường, tích cực tham gia các phong trào thi đua do địa phương tổ chức, phát động.

- Đảm bảo vệ sinh, môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

đ) Đối với Khối Ngân hàng

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh: Huy động vốn, dư nợ, lợi nhuận (thu nhập - chi phí), nợ xấu, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán đối với dịch vụ công và đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ,...

- Triển khai thực hiện chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn. Nâng cao vai trò hoạt động của hệ thống ngân hàng trong việc phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, giám sát trong việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất, tỷ giá, dự trữ bắt buộc và các công cụ chính sách tiền tệ khác.

- Thực hiện các nghiệp vụ và biện pháp quản lý Nhà nước về tiền tệ, ngoại hối, kho quỹ, bảo đảm an toàn về tài sản, tiền và các giấy tờ có giá bảo quản trong kho, quỹ.

- Cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng mới, hiện đại phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thực hiện việc tham mưu cho chính quyền địa phương phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội, từ thiện, giải quyết việc làm, chăm lo đời sống cho người lao động,...

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

e) Đối với Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn.

- Thu nhập bình quân đầu người.

- Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn Ngân sách Nhà nước trong năm được UBND giao.

- Đào tạo lao động và giải quyết việc làm (số lao động có việc làm trong độ tuổi lao động hoặc tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động hoặc số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động và tỷ lệ lao động qua đào tạo).

- Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều.

- Kết quả xây dựng nông thôn mới (số xã hoặc tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu so với kế hoạch; xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới so với kế hoạch).

- Giáo dục và Đào tạo (số trường hoặc tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ học sinh lên lớp; tỷ lệ học sinh đạt giải trong tổng số học sinh của địa phương tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, quốc gia trong năm).

- Y tế (Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo quy định hiện hành).

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường, quản lý tài nguyên (tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh hoặc tỷ lệ độ che phủ rừng theo quy

định của pháp luật).

- Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Công tác quốc phòng (chỉ tiêu tuyển quân trong năm, tuyển quân và quân sự địa phương).

- Thực hiện an toàn giao thông (giảm số vụ tai nạn giao thông; giảm số người chết do tai nạn giao thông; giảm số người bị thương do tai nạn giao thông so với năm trước hoặc kế hoạch).

- Tăng cường biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 07-CT-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).

- Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Thực hiện tốt Quy chế thiết lập, quản lý và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 và Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1837/UBND-NC ngày 12/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; Công văn số 3921/UBND-NC ngày 01/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và Công văn số 859/UBND-NC ngày 11/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm thực thi công vụ.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

2. Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Điểm chuẩn 200 điểm, gồm các tiêu chí sau:

a) Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các Nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

b) Tổ chức triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị công lập; Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh...

c) Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 03/11/2023 của Tỉnh ủy; Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 06/11/2023 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2030 và Kế hoạch số 314/KH-UBND ngày 10/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

d) Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

đ) Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 08/11/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025.

e) Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 19/6/2024 của Chính phủ về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

g) Triển khai thực hiện có hiệu quả Công văn số 1428-CV/TU ngày 22/8/2023 của Tỉnh ủy Bình Phước về việc triển khai thực hiện Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và Công văn số 3787/UBND-NC ngày 24/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ.

h) Tổ chức, triển khai thực hiện việc đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

i) Xây dựng tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

k) Xây dựng tổ chức đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng: Điểm chuẩn 100 điểm, gồm các tiêu chí sau:

a) Triển khai kịp thời, có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng. Có quy chế (quy định) công tác thi đua, khen thưởng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng; Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện kiểm tra, giám sát về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm; có hướng dẫn (quy chế) hoạt động của Hội đồng Sáng kiến, xét công nhận sáng kiến, hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến.

b) Tổ chức, triển khai thực hiện các Phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động (xây dựng kế hoạch phát động hoặc kế hoạch tuyên truyền hưởng ứng; tổ chức thực hiện; kết quả thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương).

c) Phát động triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt (chuyên đề); đánh giá kết quả và tác động của các phong trào thi đua đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương (có chủ đề, nội dung, tiêu chí, có kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, có đánh giá, bình xét khen thưởng).

d) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; tổ chức các phong trào thi đua; phát hiện, tuyên truyền, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt. Xây dựng kế hoạch, quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng gương điển hình tiên tiến; có biện pháp, giải pháp xây dựng, tuyên truyền và nhân điển hình.

đ) Công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch,

chính xác, kịp thời, đảm bảo hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền theo quy định; các giải pháp nâng cao tỷ lệ khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước đối với người lao động trực tiếp.

e) Công tác kiểm tra, giám sát về công tác thi đua, khen thưởng; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng quy định của pháp luật và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 19/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phòng, chống tiêu cực trong công tác quản lý công chức, viên chức và thi đua, khen thưởng.

g) Củng cố, kiện toàn bộ máy và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng; thực hiện công tác bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng các cấp.

h) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo sơ kết, tổng kết và đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng hàng năm để ban hành văn bản quy định tiêu chí thi đua, khen thưởng cho Khối thi đua thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương IV

NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP, QUY TRÌNH CHẤM ĐIỂM, BÌNH XÉT THI ĐUA VÀ CƠ CẤU KHEN THƯỞNG, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 6. Nguyên tắc, căn cứ chấm điểm

1. Nguyên tắc chấm điểm

a) Chấm điểm, xếp hạng thi đua phải dựa vào kết quả và số liệu cụ thể về thực hiện nhiệm vụ trong năm (có số liệu minh chứng) và được thực hiện trên tinh thần tự giác, trung thực, chống mọi biểu hiện che giấu khuyết điểm, chạy theo thành tích.

b) Chấm điểm xếp hạng thi đua nhằm tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua, trao đổi học tập kinh nghiệm lẫn nhau, góp phần để hoàn thành tốt nhiệm vụ; đảm bảo tính nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định.

c) Khi chấm điểm từng nội dung thi đua, cơ quan, đơn vị, địa phương phải có văn bản giải trình hoặc văn bản kèm theo để chứng minh (trường hợp không có văn bản giải trình hoặc văn bản chứng minh kèm theo thì chấm 0 điểm đối với tiêu chí đó).

2. Căn cứ chấm điểm thi đua

a) Các chỉ tiêu, kế hoạch đã đăng ký thi đua; văn bản điều chỉnh kế hoạch, chỉ tiêu của cấp có thẩm quyền giao trong năm (nếu có).

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm.

c) Căn cứ vào nhận xét, đánh giá, xếp loại của cấp có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có liên quan đến các tiêu chí trong thang bảng điểm thi đua.

Điều 7. Phương pháp, cách tính điểm, quy trình chấm điểm và quy định điểm thưởng, điểm trừ

1. Phương pháp chấm điểm

a) Khi chấm điểm các tiêu chí thi đua thì các đơn vị trong Khối phải có hồ sơ, văn bản cụ thể kèm theo để chứng minh cho từng tiêu chí, kể cả tiêu chí tính điểm thưởng.

b) Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ thể hiện trong báo cáo tổng kết năm, các đơn vị tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, tỷ lệ “%” đạt của từng tiêu chí thi đua. Điểm của từng tiêu chí thi đua bằng tỷ lệ “%” đạt nhân với điểm chuẩn của tiêu chí đó.

2. Quy trình chấm điểm

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm điểm

- Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch được giao, các đơn vị thành viên tự chấm điểm theo các tiêu chí thi đua và thang bảng điểm đã được Khối thi đua thông qua hàng năm. Việc tự chấm điểm thi đua phải dựa vào kết quả đạt được của từng tiêu chí và các số liệu cụ thể.

- Kết quả tự chấm điểm của đơn vị và các tài liệu minh chứng được gửi về đơn vị Khối trưởng theo thời gian quy định của Khối.

b) Khối trưởng ban hành văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kết quả đánh giá đối với các nội dung có liên quan đến các tiêu chí trong thang bảng điểm thi đua của Khối và đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (đối với Khối thi đua thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý) hoặc sở, ngành quản lý trực tiếp (đối với Khối thi đua thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên minh Hợp tác xã tỉnh quản lý) hoặc Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện (đối với Khối thi đua thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý) chấm điểm nội dung thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng.

c) Thẩm định kết quả chấm điểm

- Đơn vị Khối trưởng phối hợp với đơn vị Khối phó căn cứ vào thang, bảng điểm quy định của Khối tổ chức rà soát điểm tự chấm của các đơn vị thành viên trong Khối.

- Trong quá trình rà soát chấm điểm, nếu có sự chênh lệch với điểm tự chấm của các đơn vị thì Khối trưởng trao đổi hoặc đề nghị giải trình, cung cấp thêm tài liệu để chứng minh kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua.

- Khối trưởng và Khối phó thống nhất kết quả rà soát chấm điểm của từng đơn vị trong Khối, tổng hợp kết quả chấm điểm các nội dung thi đua để báo cáo tại cuộc họp trụ bị chuẩn bị Hội nghị tổng kết Khối.

d) Tổ chức họp để thống nhất kết quả chấm điểm

Tại cuộc họp trụ bị chuẩn bị Hội nghị tổng kết giao ước thi đua, đơn vị Khối trưởng lấy ý kiến thống nhất kết quả chấm điểm và bình xét, xếp hạng thi đua.

3. Quy định về điểm thưởng, điểm trừ

Tổng số điểm là 1.000 điểm (kể cả điểm thưởng):

a) Đối với các Khối thi đua thuộc UBND tỉnh.

* Điểm thưởng: 50 điểm, thực hiện như sau:

- Điểm thưởng do Khối thi đua xét thưởng (tối đa 40 điểm):

+ Thưởng cho các tiêu chí thi đua định lượng trong nội dung thi đua số I, cứ vượt 01% kế hoạch thì được thưởng 01% điểm chuẩn của tiêu chí đó, nhưng không vượt quá 10% điểm chuẩn. Tổng số điểm thưởng của các tiêu chí thi đua trong nội dung thi đua số khoản 1 Điều 5 Quy định này không vượt quá 20 điểm.

+ Các điểm thưởng còn lại do Khối quy định.

- Điểm thưởng do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét (tối đa 10 điểm):

+ Thưởng tối đa 02 điểm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt việc khen thưởng cho cá nhân là người lao động trực tiếp đạt tỷ lệ từ 65% trở lên đối với khen thưởng chuyên đề và đạt tỷ lệ từ 70% trở lên đối với khen thưởng theo công trạng (tổng kết công tác năm).

+ Thưởng tối đa 02 điểm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có các nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua; có nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả trong các phong trào thi đua.

+ Thưởng tối đa 01 điểm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương làm tốt công tác tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng, có nhiều hình thức biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; thực hiện tốt việc phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến, giới thiệu điển hình để tuyên truyền.

+ Thưởng tối đa 02 điểm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác khen thưởng: khen thưởng kịp thời, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng chặt chẽ, đảm bảo quy định; có tỷ lệ cao về khen thưởng cho công nhân, nông dân và người trực tiếp lao động; quan tâm khen thưởng các tập thể, cá nhân ở cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số (trên cơ sở theo dõi, đánh giá trên phạm vi toàn tỉnh); quan tâm khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc đột xuất.

+ Thưởng tối đa 03 điểm cho các đơn vị Khối trưởng, 02 điểm đối với các đơn vị Khối phó có cách làm tốt, đổi mới, sáng tạo trong việc tổ chức hoạt động Khối Thi đua.

* Điểm trừ:

- Trừ 10 điểm đối với các tập thể có cá nhân lãnh đạo chủ chốt (Trưởng, Phó các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch (Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp, Bí thư, Phó

Bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách.

- Việc trừ điểm được thực hiện trong tổng số điểm sau khi chấm.
- Các điểm trừ còn lại do Khối quy định.

b) Đối với các Khối thi đua thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý: Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để quy định điểm thưởng và điểm trừ cho phù hợp, nhưng phải đảm bảo tổng số điểm (kể cả điểm thưởng) không vượt quá 1.000 điểm.

Điều 8. Số lượng, tiêu chuẩn khen thưởng tổng kết Khối, Cụm và mức tiền thưởng

1. Đối với các Khối, Cụm thi đua thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Các Khối, Cụm thi đua (trừ Khối thi đua ngành dọc Trung ương) xét, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 Cờ thi đua cho đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu Khối, Cụm đạt tiêu chuẩn danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 Bằng khen cho đơn vị đứng hạng nhì của Khối, Cụm đạt tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (trong trường hợp đơn vị dẫn đầu Khối, Cụm nhưng không đủ tiêu chuẩn danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Khối, Cụm xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen theo quy định).

b) Các Khối thi đua ngành dọc Trung ương không thực hiện việc xét, đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh mà chỉ xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng). Theo đó, mỗi Khối được xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 02 Bằng khen cho đơn vị dẫn đầu khối và đơn vị đứng hạng nhì Khối đạt tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

c) Cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong từng lĩnh vực và đạt tổng số điểm từ 900 điểm trở lên nhưng không thuộc trường hợp được đề nghị khen thưởng tại điểm a, b khoản 1 Điều này thì được xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen chuyên đề (mỗi Khối, Cụm thi đua đề nghị không quá 01 đơn vị).

2. Đối với các Khối, Cụm thi đua thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Đối với các Khối thi đua thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo xét chọn các đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu các Khối đạt tiêu chuẩn danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

tặng Bằng khen cho đơn vị dẫn đầu Khối nhưng không đủ tiêu chuẩn danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị xếp hạng nhì của các Khối đạt tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với Khối thi đua thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Liên minh Hợp tác xã tỉnh xét chọn 02 đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong số các đơn vị dẫn đầu các Khối thi đua đạt tiêu chuẩn danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các đơn vị dẫn đầu các Khối nhưng không được đề nghị Cờ thi đua và các đơn vị xếp hạng nhì của các Khối đạt tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Đối với Khối, Cụm thi đua thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

- Mỗi huyện, thị xã, thành phố xét chọn 05 đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong số những đơn vị dẫn đầu Khối, Cụm thi đua đạt tiêu chuẩn danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu Cờ thi đua, cụ thể như sau:

+ 01 đơn vị cấp xã tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu Cụm thi đua xã, phường, thị trấn.

+ 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong số các đơn vị dẫn đầu Khối thi đua các cơ quan ban Đảng, Mặt trận, đoàn thể cấp huyện và Khối thi đua các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp huyện.

(Không chọn đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu Khối thi đua ngành dọc Trung ương để xét, đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh mà chỉ xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng). Theo đó, Khối thi đua ngành dọc Trung ương được xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 02 Bằng khen cho đơn vị dẫn đầu Khối và đơn vị xếp hạng nhì của Khối đạt tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

+ 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu Khối thi đua các Trường Trung học cơ sở.

+ 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu Khối thi đua các Trường Tiểu học.

+ 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu Khối thi đua các Trường Mầm non.

- Các đơn vị dẫn đầu các Khối, Cụm thi đua nhưng không được đề nghị danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị xếp hạng nhì của các Khối, Cụm đạt tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì được các huyện, thị xã, thành phố xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

3. Tiêu chuẩn khen thưởng

a) Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho đơn vị tiêu

biểu xuất sắc dẫn đầu Khối, Cụm thi đua đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (ban hành kèm theo Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho đơn vị dẫn đầu các Khối, Cụm thi đua nhưng không được đề nghị Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị xếp hạng nhì Khối, Cụm thi đua đạt tổng số điểm từ 900 điểm trở lên và được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại về mặt đảng, chính quyền, đoàn thể từ mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong từng lĩnh vực đạt tổng số điểm từ 900 điểm trở lên và được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại về mặt Đảng, chính quyền, đoàn thể từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (chỉ áp dụng đối với các Khối, Cụm thi đua thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh).

4. Mức tiền thưởng kèm theo Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Bình xét thi đua

1. Bình xét thi đua hàng năm, trên cơ sở kết quả chấm điểm của các đơn vị thành viên trong Khối, Cụm. Khối trưởng, Cụm trưởng và Khối phó, Cụm phó có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, nhận xét đánh giá và báo cáo trước Hội nghị tổng kết Khối, Cụm.

2. Việc bình xét, xếp loại thi đua được Khối, Cụm thực hiện tại cuộc họp trừ bị chuẩn bị Hội nghị tổng kết Khối, Cụm theo nguyên tắc công khai, dân chủ, chính xác, công bằng và có sự thống nhất, đồng thuận cao giữa các đơn vị thành viên trong Khối, Cụm. Đối với đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu Khối, Cụm phải thực hiện việc bỏ phiếu kín để suy tôn theo quy định, làm cơ sở xét, đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các tập thể được đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy định này.

4. Trường hợp Khối, Cụm thi đua có 02 đơn vị trở lên có số điểm cao bằng nhau thì lựa chọn đơn vị nào có số điểm ở nội dung “Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao” cao hơn; nếu số điểm ở nội dung “Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao” cũng cao bằng nhau thì lựa chọn đơn vị nào có tổng số điểm nội dung “Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao” và nội dung “Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị” cao hơn. Trường hợp số điểm vẫn cao bằng nhau thì tiến hành bỏ phiếu để thống nhất.

Điều 10. Các trường hợp không xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (ban hành kèm theo Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 11. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh.

2. Khi trình hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word và file pdf) của hồ sơ đến Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh qua “Phần mềm tác nghiệp và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ công tác thi đua, khen thưởng tỉnh Bình Phước” (<http://khenthuong.binhphuoc.gov.vn>), trừ văn bản có nội dung bí mật Nhà nước. Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

Điều 12. Quy định về hồ sơ và thời gian đề nghị khen thưởng

Hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm (đối với Khối thi đua các trường học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi trước ngày 31/8 hàng năm), số lượng 01 bộ, gồm:

1. Tờ trình đề nghị khen thưởng của Cụm trường, Khối trường (đối với các Cụm, Khối thi đua thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý) hoặc của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (đối với các Khối, Cụm thi đua thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Biên bản họp Khối, Cụm thi đua có ghi kết quả chấm điểm thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (đối với các Cụm, Khối thi đua thuộc quyền quản lý theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh).

4. Biên bản kiểm phiếu suy tôn đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu Cụm, Khối thi đua (đối với các Khối, Cụm thi đua có đơn vị được đề nghị danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh).

5. Báo cáo thành tích của các tập thể được đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có xác nhận của cấp trình khen.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Hàng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng đến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Phân công cụ thể các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phụ trách Khối, Cụm thi đua của tỉnh và chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các Phong trào thi đua của các đơn vị thuộc Khối, Cụm thi đua được phân công phụ trách nhằm hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua đã ký kết và nhiệm vụ chính trị được giao.

Điều 14. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia Khối, Cụm thi đua thuộc tỉnh hoặc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quản lý các Khối, Cụm thi đua thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương mình (theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chia các Khối, Cụm thi đua và quản lý các Khối, Cụm thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước) có trách nhiệm triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện các quy định về tổ chức hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh; đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước tại cơ quan, đơn vị, địa phương với các nội dung và tiêu chí thi đua cụ thể, thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, làm động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm rà soát các nội dung và tiêu chí thi đua chủ yếu của các Khối thi đua thuộc tỉnh, trong trường hợp các văn bản của Trung ương và của tỉnh không còn phù hợp thì kịp thời tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản điều chỉnh nội dung và tiêu chí thi đua để làm cơ sở cho các Khối thi đua của tỉnh triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các Khối, Cụm thi đua kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
